TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1242/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 9 – 2018.
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh.

2. Bà Trần Thị Lợi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Tấn Đài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 705/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 226/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Anh Đ, sinh năm 1993. (Có mặt)

Thường trú: Số 1C đường số 226, tổ 5 ấp 2, xã H, huyện C, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Thường trú: Tổ 01 ấp 2A, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 24/5/2018 và lời khai của nguyên đơn bà Trần Anh Đ trình bày:

Bà Trần Anh Đ và ông Nguyễn Hữu H kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H vào ngày 09/9/2015. Trong quá trình chung sống, giai đoạn đầu rất hạnh phúc, sau khi bà Đ sinh con, ông H không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, từ đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 08/11/2015, hiện nay đang sống chung với bà Đ. Bà Đ yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Cẩm T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu H:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông H đến Tòa án cung cấp lời khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông H không đến Toà án, không có lý do nên đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hữu H; bị đơn ông Nguyễn Hữu H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Anh Đ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu H, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Hữu H cư trú tại xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Hữu H:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông H đến Tòa án cung cấp lời khai, chứng cứ và tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông H không có bất kỳ trở ngại khách quan nào khác nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Anh Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu H, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đ đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, không có bất kỳ trở ngại khách quan nào khác nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông H từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Đ cung cấp để xét xử vụ án.

Căn cứ lời trình bày của bà Đ và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bà Đ và ông H tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện C, Thành phố H vào ngày 09/9/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Đ, ông H chung sống rất hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trong sinh hoạt hàng ngày vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó gia đình mất dần hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa bà Đ, ông H ngày càng mất đi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông H là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Đ ly hôn ông H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 08/11/2015, đang được bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay trẻ Cẩm T còn rất nhỏ, đang được bà Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; nhằm tạo điều kiện ổn định về tâm sinh lý, học hành của trẻ Cẩm T và sự cần thiết chăm sóc con của người phụ nữ, quyết định giao trẻ Nguyễn Thị Cẩm T cho bà Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H theo yêu cầu của bà Đ là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà Đ xác định không có nên không xem xét trong vụ án này.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 96, 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Anh Đ đối với ông Nguyễn Hữu H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Anh Đ ly hôn ông Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 08/11/2015; Giao trẻ Nguyễn Thị Cẩm T cho bà Trần Anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Hữu H cho đến khi có yêu cầu của bà Trần Anh Đ. Việc giao nhận trẻ Nguyễn Thị

Cẩm T do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung của vợ chồng và nghĩa vụ dân sự khác của vợ chồng: Không có.

- Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Anh Đ chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032660 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Hữu H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND Tp.HCM;
-VKSND.H Củ Chi;
-Chi cục THADS. H Củ Chi;
-UBND nơi cấp giấy CN kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu VP,HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức